

Bản án số: **10/2020/HSPT**
Ngày 10/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Hùng
Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Thành.
Bà Lê Thu Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Dung -
Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 293/2019/HSPT ngày 04/12/2019 đối với bị cáo Lê Anh T. và đồng bọn, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hóa và kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 311/2019/HSST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa.

- Các bị cáo bị kháng nghị, gồm:

1. Lê Anh T. - Sinh năm 1985; ĐKNKTT và chỗ ở: SN... H.M.T, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Trần S và con bà Nguyễn Thị M (đã chết); Vợ là Trần Th1 Tr và có 03 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án: Ngày 17/8/2016, bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm, phạt 12 tháng tù về tội: “Chống người thi hành hành công vụ”. Ra trại ngày 06/10/2017; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 18/01/2008, bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 26 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 18/3/2006, bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “Đánh nhau”; Ngày 22/6/2015, bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Lê Quang Ch. - Sinh năm 1984; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Ph.M, xã Đ.H, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Quang Th và con bà Lê Thị H; Tiền án: Ngày 26/6/2009, bị Tòa Phúc thẩm TAND Tối cao tại Hà Nội xử phạt 12 năm tù về tội “Giết người”; Ngày 01 - 03/12/2009, bị TAND tỉnh Thanh Hoá, xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương

tích”. Tổng hợp với 12 năm tù của bản án số 347/2009/HSPT ngày 26/6/2009 của Tòa Phúc thẩm TAND Tối cao tại Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt Ch. của 02 bản án là 14 năm tù. Ra trại ngày 29/11/2018; Tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3. Nguyễn Sỹ T1. - Sinh năm 1978; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T.T, xã Q.S, Thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Chiến H và con bà Nguyễn Thị H; Vợ là Đào Thị H và có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án: Ngày 12/11/2018, bị TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 15/7/2008, bị TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Ngày 06/6/2013, bị Công an thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính về hành vi “Cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức”; Ngày 06/6/2013, bị Công an thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ và công cụ hỗ trợ”; Ngày 19/4/2016, bị Công an thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

4. Đặng Văn T2 - Sinh năm: 1986; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T.S, xã M.T., huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn D và con bà Lê Thị Q; vợ là Nguyễn Thị M (đã ly hôn) có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 08/6/2018 bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2019 đến nay tại Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

5. Đỗ Sỹ L. - Sinh năm: 1993; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn..., xã Q.C, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Sỹ H (đã chết) và bà Phạm Thị H; Vợ là Nguyễn Thị M, có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 07/3/2013 bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”; Ngày 13/7/2015, bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm, phạt 21 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Ra trại ngày 07/10/2016; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2019 đến nay tại Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

6. Nguyễn Anh T3. - Sinh năm: 1974; ĐKNKTT và chỗ ở: SN... L.H, phường L.S, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân Ph (đã chết) và con bà Nguyễn Thị M; Vợ là Nguyễn Thị Th, có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án; Tiền

sự: không; Nhân thân: Ngày 27/11/1996, bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 04 tháng 22 ngày về tội: “Cố ý gây thương tích”; Ngày 16/01/1999, bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Ngày 20/01/2003, bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 năm 06 tháng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Ngày 30/10/2014, bị Tòa Phúc thẩm TAND Tối cao tại Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội: “Cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”; Ra trại ngày 21/8/2015; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

7. Nguyễn Ngọc T4. - Sinh năm: 1987; ĐKNKTT và chỗ ở: SN.. Q.T, phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc T. và bà Đào Thị Thanh T; Vợ là Nguyễn Lê Văn T và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 04/9/2008, bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “Đánh nhau”; Ngày 08/9/2010, bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 15 tháng 28 ngày về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Ngày 30/01/2013, bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm, phạt 42 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp với 12 tháng tù tại Bản án HSST số 62/2010/HSST ngày 08/9/2010 của TAND thành phố Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt Ch. của 02 bản án là 04 năm 01 tháng 29 ngày tù. Ra trại ngày 22/4/2015; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

8. Lê Văn Q. - Sinh năm: 1979; ĐKNKTT và chỗ ở: SN Đ.G.Đ, phường T.T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; Vợ là Nguyễn Thị Th và có 01 con sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 01/02/2016, bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Tạm giam: 09/5/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

9. Trần Minh Th. - Sinh năm: 1982; ĐKNKTT và chỗ ở: SN... Đại lộ L.L, phường T.S, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thăng Ng và con bà Nguyễn Thị B; Tiền án: Ngày 01/11/2012, bị TAND Thành phố Thanh Hóa xử phạt 27 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Ngày 30/01/2013, TAND tỉnh đình chỉ xét xử phúc thẩm theo Quyết định số 25/2013/HSPT - QĐ ; Ngày 21/6/2013, bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 08 năm tù về tội “Giết người”, tổng hợp với 27 tháng tù tại bản án số 275/2012/HSST ngày 01/11/2012 của TAND thành phố Thanh Hóa, tổng hợp hình phạt Ch. của 02 bản án là 10 năm 03 tháng tù. Ra trại ngày 08/02/2019; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 15/9/2010, bị CA thành phố Thanh Hóa xử phạt hành

chính về hành vi “Tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma T2y”; Bị bắt tạm giam từ ngày 27/3/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

10. Lê Kim Th1 - Sinh năm: 1984; ĐKNKTT: Thôn , xã V.S, H.ện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: SN...khu đô thị An Hoạch, phường An Hoạch, Thành phố Thanh Hóa; Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Kim Ng và bà Nguyễn Thị Th; Vợ là Đỗ Thị H và có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án: Ngày 21/8/2013 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm, phạt 12 tháng tù về tội: “Mua bán trái phép vũ khí Q. dụng” (phạm tội khoảng tháng 6/2008); Ngày 24/4/2014 bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 05 năm tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (phạm tội vào khoảng tháng 8 đến tháng 10 năm 2011). Ra trại ngày 01/10/2017; Tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2005, bị Công an phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

11. Vũ Việt H. - Sinh năm: 1987; ĐKNKTT và chỗ ở: SN...L.Q.Đ, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Ngọc Ch và bà Nguyễn Thị L; Vợ là Trương Khánh L và có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 25/9/2003 bị Công an phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “Đánh nhau, gây rối trật tự công cộng”; Ngày 21/7/2010, bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng về tội: “ Gây rối trật tự công cộng”; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị:

Dương Tiến D và Phạm T. Vắng mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Anh T.:** Bà Lê Thu H - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21h50’ ngày 18/3/2019, Nguyễn Anh T3. (biệt danh T3. thần đèn) cùng một nhóm bạn bè, em út xã hội của T3., gồm: Lê Kim Th1 (Th1 vệ sỹ), Nguyễn Thọ Th3. (Th3. chì), sinh năm..., ở số T.N.H, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, Lê Thanh A (A.L), sinh năm 1975, ở H.T, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa và một số đối tượng đi hát tại quán Karaoke Việt Đức - Luxury ở gần cầu Mới, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, khi T3. xuống sảnh trước của quán Karaoke Việt Đức thì nhận được điện thoại của Lê Quang C. (biệt danh C. gấu), sinh năm 1985, ở H.N, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, qua điện thoại C. nói với T3. là tạo điều kiện cho một người tên là Th (tức Th ngáp người Hà Nội) làm ăn, nhưng T3. không đồng ý, nên C. đã

chửi bới, thách thức đánh nhau với T3., sau đó hai bên hẹn gặp nhau tại khu vực cầu Mới, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa để đánh nhau. Cùng lúc này Nguyễn Ngọc T4. (T4. mo) gọi điện thoại rủ Th3. chỉ đến quán Karaoke Silve, ở số 118 Lê Hữu Lập, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa để hát, thì Th3. chỉ nói lại với T4. mo việc C. gấu vừa gọi điện thoại chửi bới, thách thức đánh nhau với T3. thần đèn. Vì là em út xã hội của T3. thần đèn nên T4. mo đã đi đến khu vực cầu Mới, phường Đông Hương gặp T3., sau đó T4. gọi điện cho Vũ Việt H. (H. Chinh) bảo H. đi đón Trần Minh Th. (Th. hâm) đến quán Karaoke Việt Đức có việc. Lúc này Nguyễn Sỹ T1. (T1. nã) cùng với Phạm T và Đỗ Sỹ L. cũng đi xe ô tô đến quán Karaoke Việt Đức, thấy T5. đến Th1 vệ sỹ đưa chìa khóa xe ô tô cho T5. và bảo T5. về lấy áo giáp cho anh em mặc, T5. hiểu là sắp xảy ra đánh nhau nên đồng ý, rồi đi xe ô tô của Th1 vệ sỹ về Công ty Đ.T ở SN... Ng.D.H, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa lấy áo giáp mang ra báo cho Th1 biết, Th1 bảo T5. cứ để trên xe. Cùng thời điểm này T1. nã gọi điện thoại cho Lê Quang Ch. (Ch. vệ sỹ), nói Ch. là mang chiếc ví cầm tay của T1. đang để ở Công ty Đại Tín 36 ra quán Karaoke Việt Đức cho T1., sau khi đưa chiếc ví cho T1. thì Ch. vệ sỹ đi xe máy Exciter chở Đỗ Sỹ L. đi về phòng trọ của Ch., ở số 09 Đoàn Thị Điểm, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa lấy 01 khẩu súng ngắn dắt trong người (theo Ch. khai là súng công cụ hỗ trợ, bắn đạn cao su) rồi quay lại quán Karaoke Việt Đức, các đối tượng nói trên này có mặt với mục đích hỗ trợ nhóm T3. thần đèn. Lúc này T3. thần đèn cùng Th3. chỉ, T4. mo, Th1 vệ sỹ đi bộ từ quán Karaoke Việt Đức đến khu vườn hoa gần đầu dải phân cách giữa đường Đại lộ Lê Lợi, phía chân cầu Mới, phường Đông Hương, T1. nã đứng ở bốt bảo vệ quán Karaoke Việt Đức lấy trong ví cầm tay ra 01 khẩu súng ngắn (theo T1. khai là súng bắn đạn bi sắt), T1. nhờ T5. cắt hộ 01 bọc ni lon bên trong có hộp đạn bi sắt sau đó lắp đạn vào súng, dắt súng vào người rồi đi bộ lại gần vị trí T3. thần đèn đang đứng. Lúc này H. Chinh đi xe ô tô chở Th. hâm đến, thấy T3. thần đèn đang chửi nhau qua điện thoại với C. gấu thì Th. hâm cầm lấy điện thoại của T3. tiếp tục chửi bới, thách thức đánh nhau với C. gấu. Cũng trong khoảng thời gian này thì Dương T1. D., Lê Anh T. và Đặng Văn T2 nghe tin C. gấu thách thức đánh nhau với T3. thần đèn tại cầu Mới, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa nên đã đến tập trung tại khu vực phía trước quán Karaoke Việt Đức cùng với nhóm của T3. thần đèn, nhằm mục đích đánh nhau với nhóm C. gấu. Lê Văn Q. đang hát tại quán Karaoke Silve, ở số 118 Lê Hữu Lập, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa nghe tin, nên cùng với Lê T3. Anh và Trương Ngọc Dân cũng đến tập trung gần khu vực cầu Mới, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa. Trong lúc chờ nhóm C. gấu đến, T. may đi bộ quanh khu vườn hoa gần cầu Mới, phường Đông Hương thì nhặt được 01 chiếc túi vải, bên trong có 01 khẩu súng K54, T. kiểm tra súng thấy có đạn bên trong hộp tiếp đạn nên dắt khẩu súng K54 trong người. Sau đó nhóm T3. thần đèn gồm: T3. thần đèn, Th3. chỉ, T4. mo, T. may, Th. hâm, Th1 vệ sỹ, Ch. vệ sỹ, D. cây, T2 đen, H. chinh, Đỗ Sỹ L. đi bộ dần lên gần cầu Mới, phường Đông Hương để chờ nhóm C. gấu đến đánh nhau (riêng Th3. chỉ, quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, Th3. khai: T3. là đàn anh của Th3., mục đích Th3. đi theo bên cạnh T3. là để can ngăn không cho T3. đánh

nhau); còn các đối tượng: T1. nào, Q. trọc và Phạm T5. thì đứng ở gần bãi đậu xe của quán Karaoke Việt Đức với mục đích hỗ trợ nhóm T3. thần đèn khi cần thiết.

Nghe tin C. gấu thách thức đánh nhau với T3. thần đèn tại cầu Mới, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa nên Nguyễn H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn N, Vũ Duy Ngh, Hà Công T3., Lê Minh Đ, Nguyễn Quang V, Nguyễn Quang A, Lê Minh Đ, Hà Sỹ T, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Trung H cùng nhiều đối tượng có mối quan hệ quen biết với nhóm T3. cũng đến tập trung gần khu vực cầu Mới, phường Đông Hương, TP Thanh Hóa.

Đến khoảng 22h15' ngày 18/3/2019, khi nhóm của T3. đi gần đến đầu dải phân cách giữa đường Đại lộ Lê Lợi, phía chân cầu Mới, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa thì thấy các đối tượng: Đặng Anh T3. cùng Nguyễn Thế Tr, Nguyễn Đình T., Phạm Kiên Q và Trần Việt D. đi 03 xe mô tô trên đường Hàm Nghi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa theo hướng Bắc - Nam (nhóm các đối tượng này đều là em út xã hội của C. gấu), ra đến nơi giao nhau giữa đường Hàm Nghi với đường Đại lộ Lê Lợi thì thấy nhóm của T3. thần đèn đang tập trung ở gần đầu dải phân cách giữa đường Đại lộ Lê Lợi nên nhóm các đối tượng em út xã hội của C. gấu dừng xe lại. Phát hiện thấy các đối tượng Nguyễn Thế Tr, Đặng Anh T3., Nguyễn Đình T., Phạm Kiên Q và Trần Việt D. đi xe máy từ đường Hàm Nghi ra Đại lộ Lê Lợi, nhóm T3. thần đèn cho rằng nhóm C. gấu đến để đánh nhau, nên T4. mo, T. may, Th. hâm, Th1 vệ sỹ, Ch. vệ sỹ, D. cày, T2 đen, Đỗ Sỹ L. chạy lao về phía nhóm các đối tượng em út xã hội của C. gấu chửi bới, thách thức đánh nhau, cùng lúc này T3. thần đèn nghe có người chửi bới mình nên hô to: “Đánh chết mẹ bọn hần đi”, đồng thời cũng chạy sang đường, nhằm mục đích đánh nhau với nhóm C. gấu nhưng Th3. chỉ chạy theo ôm T3. thần đèn can ngăn và đẩy T3. thần đèn về phía sau vườn hoa, cùng lúc này T. may cầm khẩu súng K54 chĩa nòng súng lên trời bắn hai phát thị uy; Ch. vệ sỹ dùng khẩu súng ngắn, bắn đạn cao su bắn 01 phát lên trời thị uy; T2 đen cầm 01 con dao mèo, mũi nhọn dài khoảng 30cm; Đỗ Sỹ L. cầm 01 gậy ba khúc bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 60cm chạy sang đường, nhằm mục đích đuổi đánh nhóm C. gấu; Q. trọc cũng chạy lên với mục đích hỗ trợ nhóm T3. thần đèn nhưng bị Trương Ngọc Dân can ngăn lại. Do bị nhóm T3. thần đèn cầm theo vũ khí (súng), hung khí (dao, gậy) lừa đuổi, bắn nên nhóm các đối tượng em út xã hội của C. gấu lên xe máy bỏ chạy, nhóm T3. thần đèn cũng lần lượt giải tán. Riêng các đối tượng: T1. nào, H. Chinh và Phạm T5. đều khai đến quán Karaoke Việt Đức với mục đích hỗ trợ nhóm T3. thần đèn khi cần thiết, nhưng chưa kịp chạy ra để hỗ trợ thì thấy đồng bọn đã giải tán, nên T1. nào, H. Chinh và Phạm T5. cũng lên xe đi về. Toàn bộ sự việc từ lúc T3. đứng ở phía trước quán Karaoke Việt Đức - Luxury gọi điện thoại chửi bới, thách thức đánh nhau với C. gấu đến khi vụ việc kết thúc kéo dài khoảng 30 phút; thời gian hai nhóm gặp nhau rồi xảy ra bắn nhau kéo dài khoảng 02 đến 03 phút, gây náo loạn đường phố, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân.

Sau khi bị nhóm T3. thần đèn đuổi đánh, các đối tượng Đặng Anh T3., Nguyễn Thế Tr, Nguyễn Đình T., Phạm Kiên Q và Trần Việt D. đi xe máy đến nhà chị Nguyễn Thị H (chị gái T3.), ở phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa

tìm T3. để hỏi lý do bị đuổi đánh nhưng không gặp T3., nên Đăng Anh T3. và Nguyễn Thế Tr đã đến Công an thành phố Thanh Hóa trình báo sự việc.

Ngày 19/3/2019, Ủy ban nhân dân phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa có Công văn số: 194/UBND-VP, v/v đề nghị làm rõ và xử lý nghiêm các đối tượng gây rối trật tự công cộng ngày 18/3/2019 tại khu vực cầu Mới, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa.

Qua công tác khám nghiệm hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa Th1 được: 05 vỏ đạn bằng kim loại màu vàng đồng.

Tại Kết luận giám định số: 865/PC09 ngày 22/3/2019 của Phòng kỹ Th1 tại hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- 02 vỏ đạn bằng kim loại màu vàng cùng có số ký hiệu “7,62 x 25 S&B” trong vụ trên gửi đến giám định đều là vỏ đạn của loại đạn Q. dụng cỡ 7,62 x 25mm. Loại đạn này sử dụng cho các loại súng Q. dụng như: súng K54, K79, K43, K50 ...

- 03 vỏ đạn bằng kim loại (01 vỏ đạn có số ký hiệu “9mm M12 S&B”, 01 vỏ đạn có số ký hiệu “38 86”, 01 vỏ đạn có số ký hiệu “38 89”) trong vụ trên gửi đến giám định đều là vỏ đạn của loại đạn Q. dụng cỡ 9 x 18mm. Loại đạn này sử dụng cho các loại súng Q. dụng như: súng K59, P64, CZ83, VZ63 ...

Trong các ngày 23/3/2019 và 24/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã T1. hành khám xét khẩn cấp nơi ở của các đối tượng: Lê Kim Th1, Nguyễn Thọ Th3., Nguyễn Ngọc T4., Lê Anh T., Trần Minh Th. và Dương T1. D. nhưng không Th1 được đồ vật, tài liệu có liên quan đến hành vi phạm tội của các đối tượng.

Từ ngày 27/3/2019 đến ngày 09/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã lần lượt khởi tố các bị can Nguyễn Anh T3., Nguyễn Ngọc T4., Lê Anh T., Lê Kim Th1, Trần Minh Th., Lê Quang Ch., Đăng Văn T2, Nguyễn Sỹ T1., Dương T1. D., Vũ Việt H., Phạm T5., Đỗ Sỹ L. và Lê Văn Q. về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015. Trong khoảng thời gian từ ngày 23/3/2019 đến ngày 09/5/2019, các bị can Nguyễn Anh T3., Nguyễn Ngọc T4., Lê Anh T., Đăng Văn T2, Nguyễn Sỹ T1., Dương T1. D., Vũ Việt H., Phạm T5., Đỗ Sỹ L. và Lê Văn Q. đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đầu thú, đồng thời Đăng Văn T2 tự giao nộp 01 con dao mèo; Đỗ Sỹ L. tự giao nộp 01 gậy sắt ba khúc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa tạm giữ, sau đó ra Lệnh tạm giam và bắt tạm giam đối với các bị can này cùng với bị can Trần Minh Th.. Riêng bị can Vũ Việt H. bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Đối với Lê Kim Th1 và Lê Quang Ch. sau khi phạm tội đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã. Đến ngày 12/4/2019 thì Lê Kim Th1 và Lê Quang Ch. đã bị bắt truy nã, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình điều tra, ngày 28/5/2019, bị can Lê Anh T. khai sau khi sử dụng súng bắn, T. mang giấu khẩu súng tại một bụi cây ở gần nhà T., cùng ngày 28/5/2019, Cơ quan điều tra tổ chức truy tìm và Th1 giữ được 01 khẩu súng ngắn tại một bụi cây, phố Thành Yên, phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa.

Tại Kết luận giám định số: 1474/PC09 ngày 06/6/2019 của Phòng kỹ Th1ật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- 01 khẩu súng ngắn bằng kim loại màu đen, dài 21,5cm, có số ký hiệu “75????66??” (vị trí dấu ? là chưa rõ) trong vụ trên gửi đến giám định là súng ngắn Q. dụng K54 - loại vũ khí quân dụng. Hiện tại khẩu súng này còn sử dụng bắn được.

- 02 vỏ đạn hình chai bằng kim loại màu vàng, có số ký hiệu “7,62 x 25 S&B” trong vụ trên gửi đến giám định do khẩu súng gửi đến giám định bắn ra.

Ngày 12/6/2019, Cơ quan điều tra ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Anh T. về tội: “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngày 30/5/2019, chị Trần Thu Tr (vợ bị can Lê Anh T.) có đơn đề nghị đưa Lê Anh T. đi giám định tâm thần. Ngày 27/6/2019, CQĐT đã trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung ương giám định tâm thần đối với Lê Anh T..

Tại bản kết luận pháp y về tâm thần số: 285/KLGD ngày 19/8/2019, của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định thì Lê Anh T. bị bệnh rối loạn cảm xúc thực tồn. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F06.3. Tại các thời điểm trên Lê Anh T. đủ khả năng nhận thức, hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Đối với các đối tượng: Nguyễn Thọ Th3., Lê Thanh An, Lê T3. Anh, Trương Ngọc D, Nguyễn H. Hà, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Ng, Vũ Duy Ngh, Hà Công T3., Lê Minh Đ, ở phường Lam Sơn, Nguyễn Quang V, Nguyễn Quang A, Lê Minh Đ phường Đông Thọ, Hà Sỹ T, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Trung H cùng nhiều đối tượng không xác định được nhân thân, lai lịch cũng có mặt tại khu vực cầu Mới, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa lúc xảy ra sự việc, nhưng các đối tượng này quá trình điều tra, xác định được là đến để can ngăn và không liên quan đến hành vi phạm tội của nhóm T3. thần đèn, nên không phạm tội.

Về vật chứng: Đối với 01 khẩu súng Q. dụng K54 và 05 vỏ đạn bằng kim loại màu vàng đồng đang tạm giữ tại Ban chỉ huy quân sự thành phố Thanh Hóa để chờ xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với 01 con dao mào, cán gỗ màu vàng dài khoảng 10cm, lưỡi dao hình cung dài khoảng 20 cm, loại 01 lưỡi, đầu nhọn (do Đặng Văn T2 giao nộp), 01 gậy ba khúc bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 60cm (do Đỗ Sỹ L. giao nộp) hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Đối với 01 khẩu súng bắn đạn bi sắt của Nguyễn Sỹ T1. và 01 khẩu súng bắn đạn cao su của Lê Quang Ch., sau khi sử dụng cả T1. và Ch. đều khai đã vứt trên đường không xác định được địa điểm, nên Cơ quanĐT không thu được.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 311/2019/HS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 304; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm q, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 55; của BLHS (đối với Lê Anh T.).

Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS (đối với Lê Quang Ch.).

Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS (đối với Nguyễn Sỹ T1.).

Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS (đối với Đặng Văn T2).

Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS (đối với Đỗ Sỹ L.).

Khoản 1 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS (đối với Trần Minh Th. và Lê Kim Th1).

Khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS (đối với Nguyễn Anh T3., Nguyễn Ngọc T4., Dương Tiến D., Lê Văn Q.).

Khoản 1 Điều 318; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS (đối với Vũ Việt H.).

Khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS (đối với Phạm T5.).

Khoản 1; điểm c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. (cho tất cả các bị cáo).

Tuyên bố: Bị cáo Lê Anh T. phạm 2 tội: “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và tội: “Gây rối trật tự công cộng”. Các bị cáo Lê Quang Ch.; Nguyễn Sỹ T1.; Đặng Văn T2; Đỗ Sỹ L., Nguyễn Anh T3., Trần Minh Th., Lê Kim Th1, Nguyễn Ngọc T4., Dương T1. D., Vũ Việt H., Lê Văn Q. và Phạm T5. phạm tội: “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt: Các bị cáo:

1. Lê Anh T. 18 (Mười tám) tháng tù về tội: “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và 36 (Ba sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 54 (năm tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2019.

2. Lê Quang Ch. 36 (Ba sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2019.

3. Nguyễn Sỹ T1. 36 (Ba sáu) tháng tù. Tổng hợp với 10 (mười) tháng 05 (năm) ngày tù tại bản án số 416/2018/HS - ST ngày 12/11/2018 của TAND thành

phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt Ch. của 2 bản án là 46 (Bốn sáu) tháng 05 (Năm) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2019.

4. Đặng Văn T2 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/3/2019.

5. Đỗ Sỹ L. 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/4/2019.

6. Trần Minh Th. 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/3/2019.

7. Lê Kim Th1 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2019.

8. Nguyễn Ngọc T4. 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/3/2019.

9. Nguyễn Anh T3. 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/3/2019.

10. Dương Tiến D. 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/5/2019.

11. Lê Văn Q. 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/5/2019.

12. Vũ Việt H. 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

13. Phạm T5. 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/4/2019.

- Án sơ thẩm còn quyết định về tang vật trong vụ án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo.

*** Sau khi xét xử:**

- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hóa có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKSTPTH ngày 11/11/2019 với nội dung;

Đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng;

+ Tăng hình phạt tù đối với các bị cáo: Lê Anh T., Lê Quang Ch., Nguyễn Sỹ T1., Đặng Văn T2, Đỗ Sỹ L., Nguyễn Anh T3., Lê Kim Th1, Nguyễn Ngọc T4., Vũ Việt H. và Lê Văn Q. theo mức đề nghị của VKSND Thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm.

+ Không cho bị cáo Trần Minh Th. được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

- Các bị cáo có kháng cáo bản án, gồm:

Vũ Việt H., Lê Kim Th1 và Trần Minh Th. đều với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt tù.

*** Tại phiên tòa:**

- Các bị cáo đều thành khẩn khai báo và nhận thấy tội lỗi của mình, không có thắc mắc khiếu nại về hành vi, tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị:

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng nghị của VKSND Thành phố Thanh Hóa và không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Việt H., Lê Kim Th1 và Trần Minh Th., tăng hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể;

Lê Anh T., tăng từ 6 tháng đến 12 tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí Q. dụng” và 6 đến 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Lê Quang Ch., Nguyễn Sỹ T1., Đặng Văn T2 và Đỗ Sỹ L. mỗi bị cáo từ 6 đến 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Nguyễn Anh T3. từ 2 đến 6 tháng, Lê Kim Th1 từ 2 đến 5 tháng, Nguyễn Ngọc T4. từ 3 đến 6 tháng, Vũ Việt H. từ 1 đến 3 tháng và Lê Văn Q. từ 2 đến 3 tháng tù đều về tội “Gây rối trật tự công cộng”

- Không áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Trần Minh Th. và giữ nguyên mức hình phạt 18 tháng tù.

- Các phần khác không có kháng cáo kháng nghị nên không xét và giữ nguyên như án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Anh T. có quan điểm: Khi phạm tội bị cáo có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hành vi và quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo. Bị cáo có bố đẻ là thương binh và được tặng H. chương kháng chiến hạng Nhì; Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tặng kỷ niệm chương vì Chiến sỹ bảo vệ thành cổ Quảng Trị. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Nên đề nghị giữ nguyên mức án sơ thẩm đã quyết định.

- Các bị cáo không có tranh luận và đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt tù vì mức án là quá nặng so với hậu quả và hành vi mà các bị cáo đã gây ra cho xã hội để các bị cáo sớm trở về làm người lương thiện.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của các bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về thủ tục kháng nghị:

Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKSTPTH ngày 11/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hóa làm trong thời hạn luật định, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao thông báo các nội dung kháng nghị cho các bị cáo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị, các bị cáo có kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, căn cứ vào Điều 354 Bộ luật tố tụng hình sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng nghị:

2.1. Về hành vi phạm tội: Do có mâu thuẫn giữa Nguyễn Anh T3. với Lê Quang C., nên hai bên có thách thức đánh nhau, khoảng 22h15' ngày 18/3/2019 tại Đại lộ Lê Lợi, khu vực cầu Mới phường Đông Hương, Thành phố Thanh Hóa. Đối với Lê Anh T. sử dụng súng quân dụng K54, Lê Quang Ch., Nguyễn Sỹ T1. sử dụng súng bắn đạn bi và cao su, T. và Ch. đã bắn chỉ thiên để uy hiếp nhóm của Lê Quang C., Đặng Văn T2 sử dụng dao, Đỗ Sỹ L. sử dụng gậy sắt là hung khí để trấn áp đối phương. Các bị cáo Nguyễn Anh T3., Trần Minh Th., Lê Kim Th1, Nguyễn Ngọc T4., Dương T1. D., Vũ Việt H., Lê Văn Q. và Phạm T5. tham gia nhưng không sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm. Mặc dù thời gian diễn ra khoảng 02 đến 03 phút nhưng đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội nơi đông người qua lại.

Do đó, hành vi của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã xác định, làm rõ và xử phạt: Lê Anh T. phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 và tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của BLHS. Các bị cáo Lê Quang Ch., Nguyễn Sỹ T1., Đặng Văn T2 và Đỗ Sỹ L. phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của BLHS. Đối với các bị cáo Nguyễn Anh T3., Trần Minh Th., Lê Kim Th1, Nguyễn Ngọc T4., Dương Tiến D., Vũ Việt H., Lê Văn Q. và Phạm T5. phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì mâu thuẫn cá nhân nhưng các bị cáo đã tụ tập tại nơi có nhiều người qua lại, đã sử dụng hung khí nguy hiểm, bị cáo Lê Anh T. sử dụng súng quân dụng để giải quyết mâu thuẫn. Mặc dù hành vi phạm tội diễn ra trong thời gian ngắn khoảng 02 đến 03 phút nhưng đã để lại hậu quả xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo là cần thiết, làm bài học giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

2.2. Xét nội dung kháng nghị:

- Cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 51 và Điều 52 Bộ luật hình sự là:

Hành vi “Gây rối trật tự công cộng” của các bị cáo được thực hiện dưới dạng đồng phạm giản đơn, không có sự phân công giữa các đối tượng, nhưng có sự manh động và liều lĩnh trong việc giải quyết mâu thuẫn.

Đối với Lê Anh T. sử dụng súng quân dụng, Lê Quang Ch., Nguyễn Sỹ T1. sử dụng súng bắn đạn bi và cao su, T. và Ch. đã bắn chỉ thiên để uy hiếp nhóm của Lê Quang C., Đặng Văn T2 sử dụng dao, Đỗ Sỹ L. sử dụng gậy sắt là hung khí để trấn áp đối phương nên các bị cáo giữ vai trò đầu trong vụ án và mức án cao là phù hợp.

Đối với Nguyễn Anh T3., Trần Minh Th., Lê Kim Th1, Nguyễn Ngọc T4., Dương Tiến D., Vũ Việt H. và Lê Văn Q. tuy có gọi điện thoại thông báo cho nhau tập trung đến địa điểm gây rối, tạo số đông hỗ trợ cho nhau nên hành vi có mức độ. Do đó các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án có vai trò thấp hơn các bị cáo Lê Anh T., Lê Quang Ch., Nguyễn Sỹ T1., Lê Quang C., Đặng Văn T2 và Đỗ Sỹ L. .

Về nhân thân: Lê Anh T. có 1 tiền án chưa được xóa án tích, phạm tội lần này bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS. Khi phạm tội bị cáo có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và thành khẩn khai báo, bố là thương binh và được tặng H. chương kháng chiến hạng Nhì; Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tặng kỷ niệm chương Chiến sỹ bảo vệ thành cổ Quảng Trị. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Đối với bị cáo Lê Quang Ch. và Nguyễn Sỹ T1. đều có vai trò đầu và cùng có Ch. tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS. Lê Quang Ch. có 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS là thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS nhưng nhân thân đã 2 lần bị kết án. Bị cáo Nguyễn Sỹ T1. đã 1 lần bị kết án nhưng có 2 tình tiết giảm nhẹ TNHS là thành khẩn khai báo và sau khi phạm tội đến cơ quan Công an đầu thú được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS.

Đối với Đặng Văn T2 và Đỗ Sỹ L. có vai trò ở tốp đầu, nhưng không có tình tiết tăng nặng theo Điều 52 BLHS. Các bị cáo đều có 2 tình tiết giảm nhẹ TNHS là thành khẩn khai báo và đầu thú; bị cáo Đặng Văn T2 có thêm tình tiết giảm nhẹ là có bố đẻ là thương binh và được Chủ tịch Nước tặng Huân chương kháng chiến; bị cáo Đỗ Sỹ L. có thêm 1 tình tiết giảm nhẹ TNHS là được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng khen đạt Huy chương đồng môn Karatedo. Các tình tiết giảm nhẹ đối với T2 quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS; đối với L. quy định tại điểm s,v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Đối với Trần Minh Th. và Lê Kim Th1 giữ vai trò thứ 2 trong vụ án và đã 2 lần bị kết án nhưng chỉ phải chịu 1 tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS bởi lẽ: Lần phạm tội sau được thực hiện trước khi xét xử bản án phạm tội trước đó có hiệu lực pháp luật. Các bị cáo đều có Ch. tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; bị cáo Th1 còn có thêm tình tiết giảm nhẹ bố đẻ được tặng Huân, H. chương và bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng được quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Đối với Nguyễn Anh T3., Nguyễn Ngọc T4., Vũ Việt H. và Lê Văn Q. có vai trò ngang nhau, có Ch. tình tiết giảm nhẹ TNHS là thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đến cơ quan điều tra Công an đầu thú nên được áp dụng Ch. tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Vũ Việt H. có thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS là tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra tố giác tội phạm nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo Trần Minh Th. có một tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1, không có tình tiết giảm nhẹ nào theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng cấp sơ thẩm vẫn áp dụng là không có căn cứ nên kháng nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở nên được chấp nhận và không cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

Hội đồng xét xử xét thấy, Mặc dù các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS như nêu trên, nhưng cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo mức hình phạt là chưa nghiêm, chưa tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội cũng như nhân của các bị cáo. Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hóa đề nghị tăng hình phạt tù đối với các bị cáo: Lê Anh T., Lê Quang Ch., Nguyễn Sỹ T1., Đặng Văn T2, Đỗ Sỹ L., Nguyễn Anh T3., Lê Kim Th1, Nguyễn Ngọc T4., Vũ Việt H. và Lê Văn Q. là có cơ sở nên được chấp nhận.

- Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, một số bị cáo xuất trình thêm các tình tiết giảm nhẹ mới theo Điều 51 BLHS, cụ thể:

Bị cáo Lê Quang Ch. có ông nội Lê Quang Ch và ông ngoại Lê Nhân M là liệt sỹ chống Pháp, mẹ là Lê Thị H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Ba nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Lê Kim Th1 gia đình có ông nội Lê Kim Ch. là liệt sỹ chống Mỹ, bố là Lê Kim Ng, mẹ Nguyễn Thị Th tham gia kháng chiến. Bản thân bị cáo ngày 15/10/2018 có công giúp Công an xã V.S, Huyện Triệu Sơn bắt đối tượng Trộm cắp tài sản. Năm 2008 bị cáo được Sở Văn hóa thể thao và du lịch Thanh Hóa chứng nhận thành tích đoạt Huy chương bạc Karatedo đồng đội Nam toàn quốc. Đây được xem là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS, chưa đủ điều kiện để được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t và v khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Anh T3. có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị M được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Ba nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do các bị cáo có thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điều 51 BLHS mà các bị cáo xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định của BLHS.

2.3. Xét kháng cáo của các bị cáo Vũ Việt H., Lê Kim Th1 và Trần Minh Th.: Các bị cáo kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới so với cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá (trừ bị cáo Lê Kim Th1). Xét thấy cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo với mức hình phạt là nhẹ so với hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo nên không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những đánh giá và nhận định trên, Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-VKSTPTH ngày 11/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hóa. Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số 311/2019/HS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa

về theo hướng tăng hình phạt tù đối với các bị cáo: Lê Anh T., Lê Quang Ch., Nguyễn Sỹ T1., Đặng Văn T2, Đỗ Sỹ L., Nguyễn Anh T3., Lê Kim Th1, Nguyễn Ngọc T4., Vũ Việt H. và Lê Văn Q.. Sửa phần áp dụng điều 51 BLHS đối với bị cáo Trần Minh Th.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Việt H., Lê Kim Th1 và Trần Minh Th.:

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Án phí phúc thẩm. Các bị cáo Vũ Việt H., Lê Kim Th1 và Trần Minh Th. mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Việt H., Lê Kim Th1 và Trần Minh Th.. Giữ nguyên hình phạt tù đối với Trần Minh Th..

- Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-VKSTPTH ngày 11/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa. Sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 311/2019/HS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa về phần: Áp dụng điều luật đối với bị cáo Trần Minh Th. và tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Lê Anh T., Lê Quang Ch., Nguyễn Sỹ T1., Đặng Văn T2, Đỗ Sỹ L., Nguyễn Anh T3., Lê Kim Th1, Nguyễn Ngọc T4., Vũ Việt H. và Lê Văn Q..

*** Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 304; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm q, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 55 của BLHS đối với Lê Anh T..

- Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với Lê Quang Ch..

- Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 56 của BLHS đối với Nguyễn Sỹ T1..

- Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với Đặng Văn T2.

- Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với Đỗ Sỹ L..

- Khoản 1 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với Lê Kim Th1.

- Khoản 1 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; của BLHS đối với Trần Minh Th..

- Khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với Nguyễn Anh T3., Nguyễn Ngọc T4., Dương Tiến D., Lê Văn Q..

- Khoản 1 Điều 318; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với Vũ Việt H..

- Áp dụng chung. Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS đối với các bị cáo.

- Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội đối với các bị cáo Vũ Việt H., Lê Kim Th1 và Trần Minh Th..

*** Tuyên bố:**

- Bị cáo Lê Anh T. phạm 2 tội: “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Các bị cáo Lê Quang Ch.; Nguyễn Sỹ T1.; Đặng Văn T2; Đỗ Sỹ L., Nguyễn Anh T3., Trần Minh Th., Lê Kim Th1, Nguyễn Ngọc T4., Vũ Việt H. và Lê Văn Q. phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

*** Xử phạt các bị cáo:**

1. **Lê Anh T.:** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội: “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 66 (Sáu mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2019.

2. **Lê Quang Ch.:** 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2019.

3. **Nguyễn Sỹ T1.:** 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Tổng hợp với 10 (mười) tháng 05 (năm) ngày tù theo Bản án số 416/2018/HS-ST ngày 12/11/2018 của TAND Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt Ch. của 2 Bản án là 52 (Năm mươi hai) tháng 05 (năm) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2019.

4. **Đặng Văn T2:** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/3/2019.

5. **Đỗ Sỹ L.:** 36 (ba mươi sáu) tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/4/2019.

6. **Trần Minh Th.:** 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/3/2019.

7. **Lê Kim Th1:** 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2019.

8. **Nguyễn Ngọc T4.:** 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/3/2019.

9. **Nguyễn Anh T3.:** 11 (Mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/3/2019.

10. **Lê Văn Q.:** 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/5/2019.

11. **Vũ Việt H.:** 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

* Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

* Án phí phúc thẩm: Bị cáo Vũ Việt H., Lê Kim Th1 và Trần Minh Th. mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T4. án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi gửi:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Tỉnh Thanh Hóa;
- CA tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- VKS,TA,THAHS TP Thanh Hóa;
- T.H.ADS TP Thanh Hóa;
- Các Bị cáo;
- Lưu H.sơ vụ án.

Hà Huy Hùng

